

**CÔNG TY TNHH LIGI WOMAN CARE VIỆT NAM**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH LIGI WOMAN CARE VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: LIGI WOMAN CARE VIET NAM COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0108600235

**3. Ngày thành lập:** 24/01/2019

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 322 phố Huế, Phường Phố Huế, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | Mã ngành    |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ<br>Chi tiết: Bán lẻ mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh lưu động hoặc tại chợ<br>(trừ hoạt động đấu giá)                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4789        |
| 2.  | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa<br>Môi giới mua bán hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4610        |
| 3.  | Bán buôn thực phẩm<br>Chi tiết: Kinh doanh thực phẩm chức năng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4632(Chính) |
| 4.  | Quảng cáo                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 7310        |
| 5.  | Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 7320        |
| 6.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Bán buôn thuốc<br>Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác<br>Bán buôn dụng cụ y tế<br>Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh<br>Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh<br>Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện<br>Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự<br>Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm<br>Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao | 4649        |
| 7.  | Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 9610        |
| 8.  | Cắt tóc, làm đầu, gội đầu                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 9631        |
| 9.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 8299        |

**6. Vốn điều lệ:** 100.000.000 VNĐ

## 7. Danh sách thành viên góp vốn:

| STT | Tên thành viên       | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Giá trị vốn góp (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|----------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | NGUYỄN THỊ THÙY LINH | số 34 Nguyễn Hữu Huân, Phường Lý Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | 50.000.000            | 50,000    | 001189010846                                                                                                                                      |         |

|   |                          |                                                                                                           |            |        |          |  |
|---|--------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|--------|----------|--|
| 2 | NGUYỄN<br>HƯƠNG<br>GIANG | Số 7, TT Bộ Công an,<br>Tổ 22, Cụm 3,<br>Phường Tứ Liên,<br>Quận Tây Hồ, Thành<br>phố Hà Nội, Việt<br>Nam | 50.000.000 | 50,000 | C2839431 |  |
|---|--------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|--------|----------|--|

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN THỊ THÙY LINH

Giới tính: Nữ

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Sinh ngày: 29/01/1989

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 001189010846

Ngày cấp: 17/03/2017

Nơi cấp: *Cục cảnh sát ĐKQL Cư trú và DLQG về dân cư*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *số 34 Nguyễn Hữu Huân, Phường Lý Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *số 34 Nguyễn Hữu Huân, Phường Lý Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội